

Số: 1735/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 07 tháng 8 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi,  
bổ sung trong các lĩnh vực: Trồng trọt, Thủy lợi thuộc thẩm quyền giải  
quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Yên Bái

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019 về sửa đổi, bổ sung một số  
Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của  
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày  
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các  
nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của  
Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng  
nhân dân tỉnh về việc ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái  
thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ  
trình số 184 /TTr-SNN ngày 04 tháng 8 năm 2020.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính  
được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực: Trồng trọt, Thủy lợi thuộc thẩm quyền  
giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Yên Bái.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và  
Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các  
tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh: Nguyễn Chiến Thắng;
- Phó Chánh Văn phòng (NCPC);
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT; NCPC.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH




  
Nguyễn Chiến Thắng

## DANH MỤC

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG CÁC LĨNH VỰC: TRỒNG TRỌT, THỦY LỢI**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH YÊN BÁI**  
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực trồng trọt</b>				
1	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	- Trường hợp cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - Trường hợp phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh	Phí: 3.000.000 đồng/lần công nhận	- Luật Trồng trọt năm 2018; - Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác - Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Thủy lợi</b>				
1	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình	Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái tổ 14,	- Đối với đề án báo cáo có lưu lượng nước dưới	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

	<p>...trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh</p>	<p>đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh</p>	<p>100m<sup>3</sup>/ngày đêm: 630.000/01 đề án, báo cáo;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 100m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.880.000/01 đề án, báo cáo;</li> <li>- Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 500m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 2.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 4.600.000/01 đề án, báo cáo;</li> <li>- Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 2.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 8.780.000/01 đề án, báo cáo;</li> <li>- Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước trên 10.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản: 12.120.000/01 đề án, báo cáo;</li> <li>- Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 30.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đối với hoạt động nuôi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;</li> <li>- <i>Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</i></li> </ul>
---	---	--	---	---



<p>Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh</p>	<p>Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh</p>	<p>trồng thủy sản: 15.250.000/01 đề án, báo cáo.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Đối với đề án báo cáo có lưu lượng nước dưới 100m<sup>3</sup>/ngày đêm: 315.000/01 đề án, báo cáo;</li><li>- Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 100m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: 940.000/01 đề án, báo cáo;</li><li>- Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 500m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 2.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 2.300.000/01 đề án, báo cáo;</li><li>- Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 2000m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 4.390.000/01 đề án, báo cáo;</li><li>- Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước trên 10.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản: 6.060.000/01 đề án, báo cáo;</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;</li><li>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;</li><li>- <i>Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</i></li></ul>
--	---	--	--	--



			<p>- Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 30.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản: 7.625.000/01 đề án, báo cáo.</p>	
--	--	--	---	--